

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-PT

Ngày: 15-01-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản và hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Thanh Giang

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” do Bản án Dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2017/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: Tổ 9, khu phố 3, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Thu H1, sinh năm: 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 11, khu phố 1, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có sự quen biết nên bà H có vay giúp cho chị H1 03 lần tổng cộng 15.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 22/01/2016: 10.000.000 đồng

- Ngày 27/01/2016: 4.000.000 đồng

- Ngày 29/01/2016: 1.000.000 đồng

Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 600.000 đồng/15.000.000 đồng/tháng, không viết giấy nợ, không thế chấp tài sản và thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng.

Chị H1 đã đóng lãi cho bà H được 03 tháng với tổng số tiền là 1.800.000 đồng thì ngưng, bà H phải đóng lãi thay cho chị H1. Sau đó do không có khả năng đóng giúp nữa nên bà H đề nghị chị H1 tham gia góp vốn xoay vòng trong Hội từ thiện “Bếp cơm bệnh viện” gồm 12 hội viên, mỗi người góp 500.000 đồng/tháng để lấy tiền đóng lãi, chị H1 đồng ý.

Ngày 02/11/2016 chị H1 hốt được số tiền 5.500.000 đồng nhưng chị H1 không giữ mà đưa toàn bộ cho bà H. Sau đó chị H1 góp được 4 kỳ được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 7 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu chị H1 trả 15.000.000 đồng tiền vay gốc và 3.500.000 đồng tiền góp vốn xoay vòng, tổng cộng 18.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Chị Võ Thị Thu H1 trình bày: Chị thừa nhận vào ngày 22/12/2015 (AL) chị có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 400.000 đồng/10.000.000/tháng, không thế chấp tài sản, không viết giấy nợ. Sau khi vay có trả cho bà H 10 tháng tiền lãi là 4.000.000 đồng, sau đó do không trả lãi được nữa nên bà H cộng dồn lãi và gốc thành 15.000.000 đồng. Chị thừa nhận có tham gia góp vốn xoay vòng, số tiền hốt 5.500.000 đồng do bà H giữ để trừ vào số tiền vay gốc, sau đó chị đã đóng lại được 04 kỳ với số tiền 2.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho bà H 15.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng yêu cầu khấu trừ 2.000.000 đồng chị đã đưa cho bà H, chị không đồng ý trả lãi cũng không yêu cầu khấu trừ tiền lãi đối với số tiền lãi 4.000.000 đồng đã đóng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T, đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H khởi kiện đối với chị Võ Thị Thu H1.

Buộc chị H1 có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay là 9.955.250 đồng và 2.800.000 đồng tiền hui. Tổng cộng là 12.755.250 (mười hai triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm năm chục) đồng.

Không chấp nhận số tiền bà H yêu cầu là 5.044.750 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, bà H có đơn kháng cáo yêu cầu chị H1 trả cho bà số tiền 18.500.000 đồng.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương thỏa thuận về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Chị Võ Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay và hụi là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[2] Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1/ Công nhận sự thỏa thuận của Bà Nguyễn Thị H và Chị Võ Thị Thu H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Võ Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay và hụi là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí:

2.2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu H1 phải chịu 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T hoàn trả cho bà H 485.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0024530 ngày 04-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T.

2.2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0024738 ngày 11-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang